

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM	
ĐẾN Số:	1409
Ngày:	27/12/2023
Số và ký hiệu HS:	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4466 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

1. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ, định mức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu, định mức chi thuê chuyên gia (*Phụ lục kèm theo*).

2. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Quyết

định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các nội dung chi và định mức chi không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Thông tư số 03/2023/TT-BTC), Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN).

4. Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN, Thông tư số 03/2023/TT-BTC và nguồn lực hoạt động của đơn vị, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị các nội dung chi và định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề thực hiện theo Quyết định số 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, KHCNMT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



★ Nguyễn Văn Phúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục

QUY ĐỊNH MỘT SỐ ĐỊNH MỨC LẬP DỰ TOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số **4466** /QĐ-BGDDĐT ngày **26** tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Nghìn đồng)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	<i>Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>	<i>Hội đồng</i>	
	Chủ tịch Hội đồng		900
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		650
	Thư ký khoa học		200
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400
c	<i>Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	
	Chủ tịch hội đồng		400
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		300
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	<i>Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>	<i>Hội đồng</i>	
	Chủ tịch Hội đồng		1.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Nghìn đồng)
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		900
	Thư ký khoa học		200
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		650
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
<i>a</i>	<i>Chi họp Hội đồng nghiệm thu</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	
	Chủ tịch Hội đồng		1.000
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		900
	Thư ký khoa học		200
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	<i>01 phiếu nhận xét đánh giá</i>	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		650
4	Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (nếu có)		<i>Bằng 50% chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức</i>
<i>a</i>	<i>Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị</i>		
<i>b</i>	<i>Chi họp Hội đồng đánh giá</i>	<i>Nhiệm vụ</i>	
	Chủ tịch Hội đồng		500
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		450
	Thư ký khoa học		100
	Thư ký hành chính		100
	Đại biểu được mời tham dự		100

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Nghìn đồng)
c	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300
5	Chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có)		Bằng 50% chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		500
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		450
	Thư ký khoa học		100
	Thư ký hành chính		100
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300
6	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở nhiệm vụ khoa học và công nghệ		Bằng 70% chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		700
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		600
	Thư ký khoa học		150
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		450
7	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	900

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức quy định tại điểm a khoản 1 mục I Phụ lục này.

2. Chi tiền thù lao của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (Nghìn đồng)
1	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	650
2	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150

3. Nội dung chi khác và hậu cần phục vụ hoạt động của các Hội đồng và Tổ thẩm định như sau:

a) Chi photo tài liệu, gửi tài liệu (chi theo thực tế phát sinh).

b) Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/buổi/người.

4. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 mục I Phụ lục này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập:

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm;

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

II. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

2. Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tối đa không quá 28 triệu đồng/người/tháng.

3. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ theo chức danh (chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) và nhóm chức danh (thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ) theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

III. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi tối đa (Nghìn đồng)
1	Hội thảo/diễn đàn khoa học		
	Chủ trì hội thảo/diễn đàn	Buổi	1.200
	Thư ký hội thảo/diễn đàn	Buổi	300
	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo/diễn đàn	Báo cáo	1.200
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo/diễn đàn đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo/diễn đàn	Báo cáo	900
	Thành viên tham gia hội thảo/diễn đàn	Buổi	200
2	Toạ đàm khoa học		
	Chủ trì tọa đàm	Buổi	900
	Thư ký tọa đàm	Buổi	200
	Báo cáo viên trình bày tại tọa đàm (tối đa 05 báo cáo)	Báo cáo	900
	Thành viên tham gia tọa đàm	Buổi	150

IV. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước

Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc,

chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

V. Thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước và định mức chi thuê chuyên gia

1. Các trường hợp được thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước:

Định mức chi thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ tối đa là 28 triệu đồng/người/tháng.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước vượt quá tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Quyết định này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

